

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HAPROSIMEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Haprosimex (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên:

Ông Nguyễn Cự Tầm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Cự Tầm	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ tháng 06/2012)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Cự Tầm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013

Số: 111/2013/AP - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên
Ban Giám đốc
Công ty TNHH một thành viên Haprosimex

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH một thành viên Haprosimex (gọi tắt là "Công ty"). Các Báo cáo tài chính được kiểm toán kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty TNHH một thành viên Haprosimex. Các Báo cáo tài chính được lập ngày 30 tháng 05 năm 2013 từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Ngoại trừ các hạn chế phạm vi kiểm toán và khác biệt trong xử lý kế toán nêu dưới đây, chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

Trong Báo kiểm toán số 101/2012/AP-BCKT ngày 12/06/2012 về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011 (niên độ kế toán đầu tiên) của Công ty TNHH một thành viên Haprosimex, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến từ chối liên quan đến các ảnh hưởng của các hạn chế phạm vi kiểm toán bao gồm: Số dư các khoản mục tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản mục công nợ phải thu của khách hàng, phải trả cho người bán, trả trước cho người bán; khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ tại Công ty về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long và giá trị ghi sổ tại công ty con ... Những hạn chế phạm vi kiểm toán nói trên được đánh giá là tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012. Do ảnh hưởng của những vấn đề nói trên, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số liệu tại ngày 01/01/2012 là các số liệu tại ngày 31/12/2011 chuyển sang cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và trả trước cho người bán, tạm ứng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết cũng như các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác nhận tính hiện hữu và đầy đủ của số dư các khoản nợ phải thu và nợ phải trả tại ngày 31/12/2012 của Công ty. Đồng thời, Công ty chưa thực hiện phân tích và đánh giá đầy đủ các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi để làm cơ sở lập dự phòng hoặc xóa nợ theo quy định tại Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính (theo ước tính của chúng tôi, khoản dự phòng tối thiểu cần phải lập đối với các khoản nợ đã quá thời hạn thanh toán theo hợp đồng khoảng 33,77 tỷ đồng). Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục công nợ phải thu khách hàng, phải trả cho người bán, trả trước cho người bán và dự phòng phải thu khó đòi cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục có liên quan khác đang trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

Tại thời điểm 31/12/2012, giá trị thành phẩm tồn kho của Công ty là 184.242.587 đồng, hàng gửi bán là 1.024.080.991 đồng và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là 9.175.602.762 đồng. Công ty chưa thực hiện xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng tồn kho trên để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán để đánh giá được giá trị dự kiến có thể thu hồi của lượng hàng tồn kho nêu trên. Đồng thời chúng tôi cũng không thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính hợp lý của phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành và xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Xi nghiệp Dệt Kim Haprosimex là đơn vị trực thuộc Công ty. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục hàng tồn kho đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 và ảnh hưởng của khoản mục này đến các khoản mục khác đang được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình nhà máy nước Đông Anh tại ngày 31/12/2012 là 53.794.742.065 đồng trong đó chi phí lãi vay vốn hóa là 19.418.403.663 đồng. Theo báo cáo kiểm toán về Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành số 740/BCKT-XD ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giá trị quyết toán công trình là 50.390.679.335 đồng, đồng thời kiểm toán viên đã đưa ý kiến ngoại trừ liên quan đến hạn chế phạm vi kiểm toán nên không xác định tính hợp lý của chi phí lãi vay của nguồn vốn tự có và lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam được vốn hóa vào giá trị công trình (lãi vay vốn hóa vào giá trị công trình là 17.148.870.605 đồng). Trong năm 2012 Công ty ghi nhận thêm chi phí lãi vay vào giá trị công trình với số tiền là 2.110.785.478 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình nói trên và ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

Trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa đánh giá được hiệu quả của các khoản đầu tư vào một số công ty con và công ty liên kết của Công ty là Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long, Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thanh Hà, Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô, Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Bao bì và hàng xuất khẩu Hà Nội. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán để đánh giá liệu có khoản tổn thất nào có liên quan tới các khoản đầu tư nói trên cần phải được lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hay không. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư của khoản mục đầu tư tài chính dài hạn đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

Theo Hợp đồng nguyên tắc thuê đất và sử dụng tiện ích số 01/HĐ-CCN (CN-04) ngày 06 tháng 09 năm 2006 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Đô thị số 18 và Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội nay là Công ty TNHH MTV Haprosimex, Công ty nhận quyền sử dụng và giữ lô đất duy nhất có diện tích 34.077,13 m² tại Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp và sử dụng các tiện ích khác. Công ty chưa ghi nhận chi phí thuê đất, chi phí sử dụng các dịch vụ tiện ích và số tiền phải trả khác liên quan đến các điều khoản của Hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Đô thị số 18 vào Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012. Đến thời điểm hiện tại Công ty chưa có các văn bản làm việc chính thức với Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Đô thị số 18 để thống nhất số liệu trên. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đầy đủ của số dư khoản mục phải trả người bán đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cũng như ảnh hưởng của khoản mục này đến các khoản mục khác đang được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

Khác biệt trong xử lý kế toán

Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định là Nhà máy Dệt kim Haprosimex theo kết quả kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện trích khấu hao

vào chi phí sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty chưa trích khấu hao đối với một số tài sản là máy móc thiết bị với chi phí khấu hao ước tính khoảng 19,3 tỷ đồng và chưa điều chỉnh phần khấu hao trích thiếu của năm 2010. Đồng thời trong kỳ hoạt động từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011 Công ty đang trích thiếu số khấu hao tài sản cố định là Nhà máy Dệt kim Haprosimex với số tiền khoảng 554,6 triệu đồng. Nếu Công ty thực hiện điều chỉnh phần khấu hao trích thiếu của năm 2010 và năm 2011 vào năm tài chính hiện tại thì kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2012 sẽ giảm đi với số tiền là khoảng 19,85 tỷ đồng.

Công ty ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2011 và 2012 của các khoản vay để đầu tư dự án Nhà máy Dệt kim Haprosimex (đã hoàn thành và đưa vào hoạt động chính thức từ năm 2009) với số tiền lần lượt là 47.734.965.947 đồng và 40.027.110.191 đồng vào chi phí trả trước dài hạn và 3.053.254.815 vào chi phí phải trả mà không ghi nhận là chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh trong năm theo quy định. Nếu Công ty hạch toán chi phí lãi vay trên theo đúng hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành thì kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 của Công ty sẽ giảm đi với số tiền là 90.815.330.953 đồng.

Trong năm 2012, Công ty chưa tiến hành phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư Nhà máy Dệt kim Haprosimex vào chi phí tài chính trong năm, ước tính số cần phân bổ là 7.829.388.094 đồng. Nếu thực hiện phân bổ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư theo đúng quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thì kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 của Công ty sẽ giảm đi với số tiền là 7.829.388.094 đồng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Do ảnh hưởng trọng yếu của các hạn chế phạm vi kiểm toán và khác biệt trong xử lý kế toán nêu trên nên chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán cho các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

Chúng tôi xin lưu ý tới các vấn đề sau:

Như đã nêu tại thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả thiết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù kết quả kinh doanh trong năm 2012 của Công ty bị lỗ khoảng 32,03 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2012 khoảng 168,7 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2012 công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 292,7 tỷ đồng, nguồn vốn chủ sở hữu đang bị âm với số tiền 26,206 tỷ đồng. Các vấn đề nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào việc thu hồi các khoản nợ phải thu, cam kết cho vay hoặc điều chỉnh thời gian trả nợ của các ngân hàng và chủ nợ khi các khoản vay và công nợ phải trả đến hạn thanh toán cũng như khả năng sinh lời từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư trong tương lai. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các sự kiện không chắc chắn nói trên.



Vũ Bình Minh
Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0034/KTV

Bùi Quốc Trung
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1937/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		85.821.585.365	88.758.161.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.829.875.654	2.301.050.448
1. Tiền	111	4	11.829.875.654	2.301.050.448
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		992.612	992.612
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.327.425	3.327.425
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.334.813)	(2.334.813)
III. Các khoản phải thu	130		48.339.847.193	50.993.986.620
1. Phải thu của khách hàng	131		27.705.715.146	28.509.707.053
2. Trả trước cho người bán	132		13.111.654.530	14.250.285.365
3. Phải thu nội bộ	133		67.076.882	67.076.882
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5	12.189.760.266	12.644.842.927
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.734.359.631)	(4.477.925.607)
IV. Hàng tồn kho	140	6	19.002.515.539	28.614.422.925
1. Hàng tồn kho	141		19.002.515.539	28.614.422.925
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.648.354.367	6.847.708.562
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	36.282.682
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		824.273.583	1.182.669.079
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		215.145.580	15.199.018
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	5.608.935.204	5.613.557.783
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		440.292.673.464	448.682.857.233
II. Tài sản cố định	220		276.305.975.139	296.506.840.265
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	222.263.290.266	245.498.383.020
- Nguyên giá	222		307.628.879.406	312.091.533.048
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.365.589.140)	(66.593.150.028)
- Nguyên giá	228		12.000.000	12.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.000.000)	(12.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	54.042.684.873	51.008.457.245
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	60.454.029.689	88.022.162.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		29.645.267.289	32.096.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		30.105.600.000	30.105.600.000
4. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		703.162.400	25.820.562.400
V. Tài sản dài hạn khác	260		103.532.668.636	64.153.854.568
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	103.532.668.636	64.153.854.568
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		526.114.258.829	537.441.018.400

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		552.320.527.570	542.823.770.354
I. Nợ ngắn hạn	310		378.537.635.120	357.161.177.904
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	212.538.833.659	226.209.699.932
2. Phải trả cho người bán	312		19.309.866.545	22.973.091.300
3. Người mua trả tiền trước	313		4.389.134.021	6.899.419.376
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.520.476.371	2.647.081.502
5. Phải trả công nhân viên	315		1.802.680.279	1.470.273.370
6. Chi phí phải trả	316		3.868.177.984	1.623.258.781
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	133.931.286.367	95.026.323.443
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		177.179.894	312.030.200
II. Nợ dài hạn	330		173.782.892.450	185.662.592.450
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	30.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	161.004.846.743	172.874.546.743
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.772.980	30.772.980
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	12.727.272.727	12.727.272.727
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		(26.206.268.741)	(5.382.751.954)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(26.206.268.741)	(5.382.751.954)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	177.489.029.214	165.012.262.405
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	17	(39.050.254.933)	(39.300.600.377)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.394.931.275	1.394.931.275
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.313.878.776	2.313.878.776
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		392.265.073	392.265.073
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	17	(168.760.403.187)	(135.209.774.147)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		14.285.041	14.285.041
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		526.114.258.829	537.441.018.400



Nguyễn Cự Tâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013

Trần Thị Thanh Hương
Trưởng phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu B 02 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		48.647.187.207	172.474.466.061
2. Các khoản giảm trừ	02		832.603.526	3.393.000.004
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	47.814.583.681	169.081.466.057
4. Giá vốn hàng bán	11	19	70.228.864.449	159.327.321.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(22.414.280.768)	9.754.144.704
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.320.810.805	3.211.457.756
7. Chi phí tài chính	22	21	1.771.950.085	5.539.979.390
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.654.305.792	5.150.207.204
8. Chi phí bán hàng	24		4.927.844.357	15.253.236.466
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.127.569.840	19.378.976.687
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(40.920.834.245)	(27.206.590.083)
11. Thu nhập khác	31	22	10.998.072.836	3.914.576.969
12. Chi phí khác	32		2.112.072.573	783.660.187
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.886.000.263	3.130.916.782,00
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(32.034.833.982)	(24.075.673.301)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.515.795.058	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		(33.550.629.040)	(24.075.673.301)



Nguyễn Cự Tâm
Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh Hương
Trưởng phòng

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(32.034.833.982)	(24.075.673.301)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	23.251.358.748	24.758.768.831
- Các khoản dự phòng	03	256.434.024	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.303.473.062)	(3.497.778.463)
- Chi phí lãi vay	06	1.654.305.792	5.150.207.204
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.176.208.480)	2.335.524.271
- Tăng các khoản phải thu	09	2.560.776.916	13.691.384.639
- Tăng hàng tồn kho	10	9.611.907.386	(7.707.424.217)
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(6.172.666.006)	(38.787.805.395)
- Tăng Chi phí trả trước và khác	12	(39.342.531.386)	1.549.751.923
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.079.942.483)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.686.638.321	62.049.318.139
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(172.065.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(40.912.025.732)	32.958.684.360
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.402.489.943)	(4.575.477.813)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	336.830.000	-
4. Tiền tăng/(giảm) do các khoản đầu tư dài hạn	24	27.568.132.711	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.818.542.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	25.117.400.000	6.726.859.046
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.303.473.062	1.588.561.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	54.923.345.830	(3.078.599.614)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	17.151.963.954	7.516.500.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.394.207.900	28.941.443.790
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.028.666.746)	(65.300.149.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.482.494.892)	(28.842.205.815)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	9.528.825.206	1.037.878.931
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.301.050.448	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.263.171.517
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	11.829.875.654	2.301.050.448



Nguyễn Cự Tầm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013

Trần Thị Thanh Hương
Trưởng phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. KHÁI QUÁT CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên Haprosimex là công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty sản xuất, xuất nhập khẩu Hà Nội thành công ty TNHH một thành viên Haprosimex và được Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0100101724 ngày 01 tháng 12 năm 2010. Công ty đã được Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất số 0100101724 ngày 19/08/2011.

Tên giao dịch quốc tế là HAPROSIMEX LTD., CO

Công ty có địa chỉ tại số 22 Hàng Lược, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Văn phòng Công ty tại Hà Nội; Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh; Chi nhánh tại Cộng Hoà Nam Phi và Nhà máy dệt kim Haprosimex.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty gồm:

- a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu trong các ngành, nghề, lĩnh vực chính sau:
 - Tổ chức các cơ sở hàng dệt, may mặc, dệt len, lắp ráp xe gắn máy, chế biến nông lâm sản để xuất khẩu;
 - Xuất khẩu các mặt hàng: thủ công mỹ nghệ, công nghiệp, hàng nông lâm sản, hải sản, lương thực, thực phẩm, khoáng sản, vật tư nguyên liệu, máy móc thiết bị phụ tùng, phương tiện cho các ngành sản xuất, phân bón (trừ loại Nhà nước cấm);
 - Nhập khẩu phương tiện vận tải, ô tô, xe máy, thiết bị vật liệu trang trí nội thất;
 - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, trung tâm thương mại, khách sạn, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, công trình công cộng, giao thông, văn hóa (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
 - Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
 - Dịch vụ cho thuê, nhà ở, kho, bến bãi đỗ xe, siêu thị, giao nhận vận chuyển hàng hóa, các dịch vụ đô thị khác;
 - Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch;
 - Mua, bán, nhập khẩu máy điện thoại và thiết bị viễn thông;
 - Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa; dịch vụ thể dục, thể thao, vui chơi giải trí và dịch vụ phục vụ khu vui chơi thể thao (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - Tổ chức đào tạo, dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định hiện hành của Pháp luật;
 - Hợp tác, liên doanh, liên kết, mở cửa hàng, đại lý giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm của Công ty và các sản phẩm liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- b) Đầu tư và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hoặc cổ đông, thành viên góp vốn tại các đơn vị thành viên, doanh nghiệp có vốn góp của công ty.
- c) Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của Pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty TNHH một thành viên Haprosimex được lập trên cơ sở cộng ngang các chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại Hà Nội, Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và Xí nghiệp Dệt kim Haprosimex sau khi đã loại trừ các khoản công nợ phải thu và phải trả nội bộ và các giao dịch nội bộ.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù các số liệu trên Báo cáo tài chính đang thể hiện các khó khăn về tài chính, chi tiết bao gồm:

- Kết quả kinh doanh năm 2012 của Công ty lỗ khoảng 33,55 tỷ đồng
- Tại ngày 31/12/2012, Số dư Nguồn vốn chủ sở hữu (26.206.268.741) đồng;
- Nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty được hình thành từ các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng và các bên cho vay khác. Giá trị của các khoản vay ngắn hạn đến ngày 31/12/2012 với số tiền khoảng 212,538 tỷ đồng, chi phí lãi vay phải trả ước tính cho một năm khoảng hơn 48,53 tỷ đồng.
- Tại ngày 31/12/2012 công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 292,7 tỷ đồng.

Các vấn đề nêu trên thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn và khả năng tự tài trợ của nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty rất thấp đã dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh của Công ty. Khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh trong tương lai, việc thu hồi các khoản nợ phải thu, cơ cấu lại các khoản vay, khoản đầu tư dài hạn cũng như cam kết cho vay hoặc điều chỉnh thêm thời gian trả nợ của các ngân hàng, chủ nợ khi các khoản vay và công nợ phải trả đến hạn thanh toán. Báo cáo tài chính này không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các sự kiện không chắc chắn nói trên.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận khi hàng hóa đã giao, dịch vụ cung cấp đã hoàn thành, được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các Quyết định về kế toán hiện hành và theo các Quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là chi phí mua phần mềm kế toán được trích khấu hao trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÀU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% quyền kiểm soát của bên nhận đầu tư được ghi nhận là các khoản đầu tư vào công ty con trên Bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Lãi của các khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi có quyết định phân chia lợi nhuận chính thức của công ty con.

Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp ít nhất 20% và không quá 50% quyền kiểm soát của bên nhận đầu tư được ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty liên kết trên Bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Lãi của các khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi có quyết định phân chia lợi nhuận chính thức của công ty liên kết.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Thời điểm trích lập được xác định theo ngày khóa sổ kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất tạm nộp cho Ban quản lý Khu Công nghiệp Ninh Hiệp để thực hiện xây dựng nhà máy dệt kim xuất khẩu, chi phí lãi vay ngắn hạn, dài hạn và công cụ, dụng cụ xuất dùng.

Tiền thuê đất khu Công nghiệp Ninh Hiệp được phân bổ vào chi phí kinh doanh theo thời gian thuê đất khi Nhà máy dệt kim Haprosimex xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 2 đến 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp có thể thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng nông sản theo giá kỳ hạn được ghi nhận theo giá tạm tính tại thời điểm phát sinh và được điều chỉnh theo giá chính thức khi chốt giá tại thời điểm thỏa thuận theo hợp đồng bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua; đồng thời doanh nghiệp có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hoá, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được để số dư trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm theo các quy định tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Trong năm 2012, Công ty chưa tiến hành phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư Nhà máy Dệt kim Haprosimex vào chi phí tài chính theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, ước tính số cần phân bổ là 7.829.388.094 đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguồn vốn, quỹ

Vốn kinh doanh của Công ty do nhà nước cấp bằng tiền hoặc nhận phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp khác.

Lợi nhuận sau thuế và các quỹ của Công ty được phân phối theo các quy định tài chính hiện hành.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	438.431.946	807.676.393
Tiền gửi ngân hàng	11.391.443.708	1.493.374.055
Cộng	11.829.875.654	2.301.050.448

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần HAP CAPITAL	1.448.509.854	1.500.000.000
Công ty TNHH HANOTEX	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần HAPROSIMEX ĐÔNG ĐÔ	6.046.686.696	5.888.286.696
Công ty SX-XNK Dịch vụ tổng hợp Vĩnh Phúc	72.486.828	72.486.828
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng KCN và đô thị số 18	1.152.896.338	1.152.896.338
Công ty Cổ phần Thẩm định giá IVC Việt Nam	-	430.777.000
Các khoản phải thu khác	469.180.550	600.396.065
Cộng	12.189.760.266	12.644.842.927

6. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	926.967.016	7.141.647.877
Công cụ, dụng cụ	725.733.069	646.009.448
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.175.602.762	5.046.164.963
Thành phẩm	184.242.587	14.701.317.346
Hàng hóa	6.965.889.114	164.235.482
Hàng gửi đi bán	1.024.080.991	915.047.809
Cộng	19.002.515.539	28.614.422.925
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	19.002.515.539	28.614.422.925

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	5.608.935.204	5.613.557.783
Cộng	5.608.935.204	5.613.557.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án xây dựng Nhà máy nước Đông Anh	53.794.742.065	50.876.656.587
Dự án tổ hợp nhà ở, văn phòng tại 88 Láng Hạ	52.600.000	52.600.000
Khác	195.342.808	79.200.658
Cộng	54.042.684.873	51.008.457.245

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	29.645.267.289	32.096.000.000
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	19.045.267.289	21.496.000.000
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	10.600.000.000	10.600.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30.105.600.000	30.105.600.000
Công ty Cổ phần HAP CAPITAL	9.800.000.000	9.800.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thanh Hà	4.275.000.000	4.275.000.000
Công ty Cổ phần SXKD Bao bì và Hàng XK Hà Nội	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Mỹ nghệ xuất nhập khẩu Hà Nội	630.000.000	630.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ - XNK Hà Nội	5.971.600.000	5.971.600.000
Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô	8.829.000.000	8.829.000.000
Đầu tư dài hạn khác	703.162.400	25.820.562.400
Công ty TNHH HAPROSIMEX - MOCA	-	25.117.400.000
Đầu tư dài hạn khác	703.162.400	703.162.400
Cộng	60.454.029.689	88.022.162.400

Chi tiết các khoản đầu tư

Tên Công ty	Giá trị đầu tư tại 31/12/2012	Tỷ lệ %	Hoạt động chính
Đầu tư vào Công ty con	29.645.267.289		
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	19.045.267.289	71,87%	Dệt kim, gia công may XK
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	10.600.000.000	51,00%	May gia công xuất khẩu
Đầu tư vào các Công ty liên kết	30.105.600.000		
Công ty Cổ phần HAP CAPITAL	9.800.000.000	49,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thanh Hà	4.275.000.000	26,93%	TM và SXKD sản phẩm may
Công ty Cổ phần SXKD Bao bì và Hàng XK Hà Nội	600.000.000	30,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Mỹ nghệ XNK Hà Nội	630.000.000	30,00%	Xuất nhập khẩu
Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ - XNK Hà Nội	5.971.600.000	35,35%	Thương mại
Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô	8.829.000.000	33,96%	May gia công xuất khẩu
Đầu tư dài hạn khác	703.162.400		
Đầu tư dài hạn khác	703.162.400	18,60%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	92.883.284.574	212.144.989.713	1.630.578.373	4.888.910.100	543.770.288	312.091.533.048
Mua sắm mới	-	60.263.636	12.990.000	-	-	73.253.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.365.599.943	-	-	-	-	1.365.599.943
Thanh lý, nhượng bán	2.102.876.220	508.982.452	1.000.455.721	1.719.702.122	340.033.273	5.672.049.788
Giảm do điều chuyển	-	-	92.600.000	49.130.160	87.727.273	229.457.433
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	92.146.008.297	211.696.270.897	550.512.652	3.120.077.818	116.009.742	307.628.879.406
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	13.742.231.801	47.163.169.694	1.429.699.370	3.728.569.015	529.480.148	66.593.150.028
Khấu hao trong năm	3.994.007.760	18.827.386.338	107.196.145	317.236.841	5.531.664	23.251.358.748
Thanh lý, nhượng bán	974.614.616	277.643.371	1.000.455.721	1.656.715.222	340.033.273	4.249.462.203
Giảm do điều chuyển	-	-	92.600.000	49.130.160	87.727.273	229.457.433
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	16.761.624.945	65.712.912.661	443.839.794	2.339.960.474	107.251.266	85.365.589.140
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	79.141.052.773	164.981.820.019	200.879.003	1.160.341.085	14.290.140	245.498.383.020
Tại ngày 31/12/2012	75.384.383.352	145.983.358.236	106.672.858	780.117.344	8.758.476	222.263.290.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Lãi vay	87.762.076.138	47.734.965.947
Tiền thuê đất khu Ninh Hiệp	15.511.266.825	15.920.192.385
Khác	259.325.673	498.696.236
Cộng	103.532.668.636	64.153.854.568

12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	180.345.533.659	204.312.059.932
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	108.291.884.190	108.472.406.668
Ngân hàng TMCP Quân Đội (2)	10.410.192.927	37.856.400.869
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình (3)	39.099.456.542	39.106.252.395
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	800.000.000	-
Công ty Dệt kim Thăng Long	8.000.000.000	8.000.000.000
Cán bộ công nhân viên trong Công ty (4)	12.994.000.000	10.877.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ - XNK Hà Nội	-	-
Vay cá nhân	750.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	32.193.300.000	21.897.640.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	32.193.300.000	21.897.640.000
Cộng	212.538.833.659	226.209.699.932

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội số tiền là 97.282.841.060 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay từ 13,5% đến 14%/năm; Số tiền cho vay bằng USD là 529.026,58 USD, thời hạn vay 3 đến 4 tháng; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động.
- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân Đội, số tiền cho vay bằng USD là 500.249,54 USD, thời hạn vay từ 2 đến 4 tháng; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động.
- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội), số tiền vay bằng Việt Nam đồng là 31.242.695.564 đồng, lãi suất bình quân là 15,5%/năm, thời hạn vay là 3 tháng, khoản vay bằng USD là 377.547,38 USD lãi suất vay 7,5%/năm; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động.
- Khoản vay cán bộ công nhân viên kỳ hạn từ 3 đến 13 tháng, lãi suất từ 1,5% đến 2%/tháng.

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	628.164.717	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.114.635.107
Thuế thu nhập cá nhân	8.884.318	492.731.280
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.500.596.040	-
Các khoản thuế khác	382.831.296	39.715.115
Cộng	2.520.476.371	2.647.081.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	77.935.124	50.527.428
Bảo hiểm xã hội	2.550.953.162	723.013.286
Bảo hiểm y tế	104.512.751	-
Công ty Cổ phần HAPROSIMEX Thăng Long	1.856.000.000	1.040.000.000
Bộ Quốc Phòng	17.546.546.264	17.558.348.495
Lãi bán phần vốn góp vào Công ty TNHH MSA-Hapro Hà Nội	-	9.050.140.954
Lãi vay phải trả	104.609.058.893	65.580.815.132
- Lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	67.950.117.063	41.225.455.733
- Lãi vay Ngân hàng TMCP Quân Đội	10.553.966.880	7.479.309.728
- Lãi vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	17.121.028.108	8.844.588.307
- Lãi vay sử dụng cho dự án Nhà máy nước Đông Anh	8.983.946.842	8.031.461.364
Khác	7.186.280.173	1.023.478.148
Cộng	133.931.286.367	95.026.323.443

15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngân hàng	161.004.846.743	171.506.546.743
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	161.004.846.743	171.470.146.743
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long Biên	-	36.400.000
Vay đối tượng khác	-	1.368.000.000
Vay cá nhân	-	1.368.000.000
Cộng	161.004.846.743	172.874.546.743

(1) Khoản vay dài hạn đồng tài trợ từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01-2004/HDTD/VCB/HAPROSIMEX ngày 21/7/2004, tổng số tiền cho vay bằng USD là 12.445.242,08 USD, thời hạn vay 89 tháng, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng; tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Ninh Hiệp, toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án Xi nghiệp dệt kim, các quyền lợi phát sinh từ tài sản hình thành từ vốn vay và trụ sở làm việc tại 22 Hàng Lược; mục đích sử dụng tiền vay là để thực hiện dự án Đầu tư "Xi nghiệp Dệt kim". Số dư tại ngày 31/12/2011 là 8.480.000 USD tương ứng với 176.621.440.000 đồng, trong đó số đến hạn trả là 630.000 USD tương ứng với 13.121.640.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/08/DH/NHNTN ngày 29/09/2008, tổng số tiền cho vay bằng VND là 19.970.346.743 VND, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng; tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ dự án di dời, đầu tư và chuyển đổi năng lực sản xuất xí nghiệp mũ xuất khẩu; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các khoản chi phí thiết kế, thi công xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà, xưởng và chi phí mua máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý của dự án. Số dư tại ngày 31/12/2011 là 16.746.346.743 đồng trong đó số đến hạn trả là 8.776.000.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Lịch trả nợ của công ty chi tiết như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	32.193.300.000	21.897.640.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	161.004.846.743	172.874.546.743
Cộng	193.198.146.743	194.772.186.743
Nợ ngắn hạn đến hạn trả	32.193.300.000	21.897.640.000
Vay dài hạn	161.004.846.743	172.874.546.743

16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền thu từ việc Công ty cho Công ty Cổ phần thời trang NEM thuê một phần văn phòng số 22 Hàng Lược với thời gian thuê là 34 năm kể từ khi bàn giao địa điểm cho thuê với giá trị 12.727.272.727 đồng (tổng giá trị hợp đồng và phụ lục hợp đồng bao gồm cả thuế GTGT là 14 tỷ đồng).

17. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Tại ngày 01/12/2010	151.667.782.709	(20.445.498.191)	(111.134.100.846)
Tăng vốn trong kỳ	13.344.479.696	-	-
Lỗ trong năm	-	-	(24.075.673.301)
Chênh lệch tỷ giá năm 2011	-	(17.662.698.002)	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(1.192.404.184)	-
Tại 31/12/2011	165.012.262.405	(39.300.600.377)	(135.209.774.147)
Tăng vốn trong năm	12.476.766.809	-	-
Lỗ trong năm	-	-	(33.550.629.040)
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	250.345.444	-
Tại 31/12/2012	177.489.029.214	(39.050.254.933)	(168.760.403.187)

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	44.986.104.430	158.445.478.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.661.082.777	14.028.987.115
Cộng	48.647.187.207	172.474.466.061
<i>Các khoản giảm trừ</i>	<i>832.603.526</i>	<i>3.393.000.004</i>
Doanh thu thuần	47.814.583.681	169.081.466.057

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	70.228.864.449	159.327.321.353
Cộng	70.228.864.449	159.327.321.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. Doanh thu tài chính

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	151.667.562	105.440.825
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.151.805.500	1.483.120.328
Chênh lệch tỷ giá	17.337.743	574.344.781
Khác		1.048.551.822
Cộng	3.320.810.805	3.211.457.756

21. Chi phí tài chính

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.654.305.792	5.150.207.204
Chênh lệch tỷ giá	117.644.293	389.772.186
Cộng	1.771.950.085	5.539.979.390

22. Thu nhập khác

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Chuyển nhượng vốn và quyền góp vốn	9.524.449.727	2.724.189.426
Thu thanh lý tài sản cố định	1.473.622.409	1.182.387.543
Khác	700	8.000.000
Cộng	10.998.072.836	3.914.576.969

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp	6.063.180.232	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.063.180.232	-
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.515.795.058	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Mua hàng

	Năm 2012	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Hap Capital	45.854.797	7.990.941.695

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2012	01/11/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	800.000.000	-
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Hap Capital	-	6.530.466.182
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	400.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ - XNK Hà Nội	1.000.000.000	-

25. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

26. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.



Nguyễn Cự Tầm
Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh Hương
Trưởng phòng

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013